

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2026/HNGĐ -ST
Ngày: 19-3-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thuý An**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Thơi.

Ông Trần Văn Bé Hai.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Thắng** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Đạt** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 421/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Lan T**, sinh năm 1997. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã S, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh **Trương Ngọc K**, sinh năm 1994. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã S, tỉnh Vĩnh Long.

- Người làm chứng: Chị **Nguyễn Thị Lan A**, sinh năm 2004. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã H, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 09/12/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Ngọc K thành hôn có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Song Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 02/11/2015. Thời gian chung sống lúc đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, sống

không còn hạnh phúc do anh K thường xuyên uống rượu, không quan tâm chăm lo cho gia đình và vợ chồng ly thân từ tháng 7/2025 đến nay không hàn gắn được. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trương Ngọc K.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Thị Ngọc M, sinh ngày 11/11/2016 và Trương Ngọc Gia L, sinh ngày 17/8/2021 hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi con chung 2.000.000đ/tháng đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 02/02/2026, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan T trình bày: Về con chung chị yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 02/02/2026, người làm chứng chị Nguyễn Thị Lan A trình bày: Chị là em ruột của chị Nguyễn Thị Lan T. Giữa chị T và anh K thành hôn có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi thành hôn thì vợ chồng chị T, anh K sống chung bên gia đình anh K. Thời gian chung sống lúc đầu có hạnh phúc, khoảng 02 năm gần đây anh K thường xuyên rượu chè, không quan tâm chăm lo cho gia đình dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi và đã ly thân khoảng 01 năm nay, gia đình hai bên đã tạo điều kiện để anh K, chị T đoàn tụ nhưng không thành. Về con chung của chị T và anh K có 02 con chung hiện đang sống chung với chị T, cuộc sống của các cháu đảm bảo, các cháu phát triển tốt về mọi mặt. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng chị T và anh K thì chị không biết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể là tại các lần hoà giải thì bị đơn vắng mặt, cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Về hôn nhân: Giải quyết cho ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Lan T và anh Trương Ngọc K. Về con chung: Giao con chung tên Trương Thị Ngọc M, sinh ngày 11/11/2016 và Trương Ngọc Gia L, sinh ngày 17/8/2021 cho chị Nguyễn Thị Lan T nuôi dưỡng, chăm sóc. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con

có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Lan T không yêu cầu nên không xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lan T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Lan T yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Trương Ngọc K cư trú ấp P, xã S, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan T có đơn xin vắng mặt ngày 02/02/2026, bị đơn anh Trương Ngọc K được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Người làm chứng chị Nguyễn Thị Lan A vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị Lan A đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng.

[4] Chị Nguyễn Thị Lan T và anh Trương Ngọc K thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Song Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (Nay là xã Song Phú, tỉnh Vĩnh Long) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81 vào ngày 02/11/2015 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K là hợp pháp.

[5] Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị T và anh K thời gian đầu sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống do anh K thường xuyên uống rượu, không chăm lo cho gia đình và vợ chồng ly thân từ tháng 7/2025 đến nay không hàn gắn được. Sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ để Tòa án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh K vắng mặt không lý do, chị T có đơn yêu cầu không tiến hành hoà giải do vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị T và anh K không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Xét thấy 02 con chung tên Trương Thị Ngọc M, sinh ngày 11/11/2016 và Trương Ngọc Gia L, sinh ngày 17/8/2021 hiện đang sống trực tiếp với chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Anh K không có ý kiến gì về việc chị T yêu cầu nuôi 02 con chung. Xét cháu Trương Thị Ngọc My có nguyện vọng sống chung với chị T và

nhằm để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống của các cháu, Hội đồng xét xử xét giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Lan T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Lan T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Lan T được ly hôn với anh Trương Ngọc K.

1.2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trương Thị Ngọc M, sinh ngày 11/11/2016 và Trương Ngọc Gia L, sinh ngày 17/8/2021 cho chị Nguyễn Thị Lan T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trương Ngọc K không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Lan T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Lan T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0013207 ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
 - VKSND khu vực 2 – Vĩnh Long;
 - Phòng THADS khu vực 2 – Vĩnh Long;
 - UBND xã Song Phú, tỉnh Vĩnh Long)
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 02/11/2015);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thuý An